

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

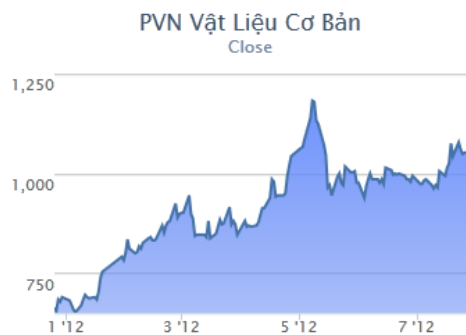


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	796.28	↓ -8.82	↓ -1.1
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	687.39	↓ -3.36	↓ -0.49
PVN ALLSHARE	670.16	↓ -2.81	↓ -0.42
PVN ALLSHARE HNX	572.78	↓ -7.94	↓ -1.37
PVN ALLSHARE HSX	720.1	↓ -2.65	↓ -0.37
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1078.26	↓ -8.7	↓ -0.8
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	852.11	↓ -7.04	↓ -0.82
PVN Tài Chính	602.44	↓ -7.58	↓ -1.24
PVN Công Nghiệp	475.96	↓ -11.36	↓ -2.33
PVN Dầu Khí	638.81	↓ -0.78	↓ -0.12
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	718.25	↓ -33.51	↓ -4.46

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	422.50 ↓	-0.70	-0.17%
KLGD (triệu ck)	33.16 ↓	-11.41	-25.61%
GTGD (tỷ đồng)	548.26 ↓	-113.45	-17.15%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-65.99	-55.16%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-91.91	-58.94%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.83 ↑	0.12	7.15%
KL bán (triệu ck)	1.84 ↑	0.26	16.55%
Giá trị mua (tỷ đồng)	79.92 ↑	33.99	73.99%
Giá trị bán (tỷ đồng)	68.41 ↑	22.90	50.32%

Nhận định thị trường:

Để được giải ngân phần cứu trợ, Hy Lạp phải đàm phán và chấp nhận với các điều kiện mà Liên minh châu Âu (EU) và IMF đưa ra. Theo đó, Hy Lạp sẽ thông qua đạo luật mới thúc đẩy chương trình tư nhân hóa, đồng thời thực hiện các biện pháp “thắt lưng buộc bụng” bao gồm kế hoạch cắt giảm lương hưu, phúc lợi xã hội, v.v...

Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) vừa thông báo sẽ điều chỉnh tích cực chính sách tiền tệ trong sáu tháng cuối năm nay để vực dậy đà tăng trưởng của nền kinh tế. Tính từ đầu năm đến nay, PBOC đã hạ lãi suất cho vay và lãi suất huy động hai lần, và 3 lần hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng.

NHNN cho biết: Tính đến 2/8, các khoản vay lãi suất dưới 10% chiếm 3,4%, lãi 10 - 13% chiếm 18,5%, mức lãi 13 - 15% chiếm 49,1%. Lãi suất giảm mạnh nhất ở nhóm 5 NHTMNN (có tỷ trọng dư nợ cho vay với mức lãi suất trên 15%/năm là 6,9%), giảm 87% so với tỷ trọng dư nợ cho vay trước ngày 15/7/2012 (61%).

Theo Bộ Tài chính, điểm sáng của tình hình phát triển doanh nghiệp trong tháng 7 là việc 937 doanh nghiệp ngừng hoạt động đã kinh doanh trở lại, tập trung chủ yếu ở khu vực ngoài quốc doanh.

Chỉ số VN-Index tiếp tục nhận được sự hỗ trợ khi các cổ phiếu vốn hóa lớn như VCB, VIC, VNM, GAS giữ giá và tăng giá nhẹ. Chỉ số sàn Hồ Chí Minh nhờ đó mà chỉ giảm nhẹ trong khi HNX-index đã quay đầu giảm khá mạnh tới 1,23%. Thanh khoản hai sàn cũng thoái lui, phản ánh tình trạng thiếu hụt dòng tiền trên thị trường. Như vậy, chỉ số hai sàn sẽ vẫn tiếp tục trạng thái dao động, và bên cạnh dạng mô hình kì vọng phục hồi hai đáy thì cũng chưa thể loại trừ rằng trong một kịch bản tiêu cực, chỉ số hai sàn có thể có thêm một nhịp giảm nếu như hoàn thiện mô hình trung gian (tam giác).

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.58 ↓	-0.87	-1.23%
KLGD (triệu ck)	34.66 ↓	-13.79	-28.46%
GTGD (tỷ đồng)	538.83 ↓	-156.97	-22.56%
Tổng cung (triệu ck)	68.77 ↑	15.69	29.57%
Tổng cầu (triệu ck)	45.04 ↓	-21.46	-32.27%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.75 ↑	0.41	123.79%
KL bán (triệu ck)	0.79 ↑	0.14	22.32%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.12 ↑	5.70	128.82%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.67 ↑	0.85	8.70%

Nhận định thị trường:



Đồ thị HNX-Index.

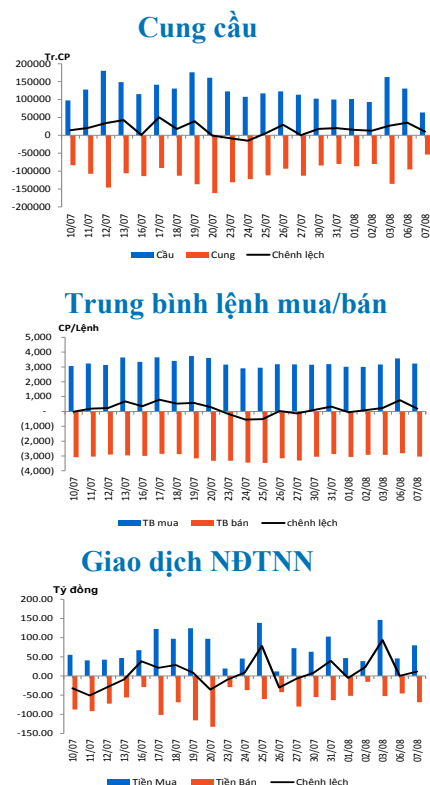
HNX-Index thậm chí không giữ được nhịp tăng trong hai phiên sau khi đã nhanh chóng giảm mạnh trong phiên ngày hôm nay. Thanh khoản lại thoái trào cho thấy tình trạng thiếu hụt dòng tiền tạo sức cầu trên thị trường. Như đã phân tích, xác suất tạo thành mô hình kì vọng là mô hình tam giác đang trở nên cao dần trước các diễn biến hiện tại.

Mô hình trung gian trước khi giảm tiếp một nhịp nữa:

Nói về mô hình này, ngay thời gian gần nhất, vào tháng 5 HNX-index đã tạo thành một mô hình tương tự. Những đặc điểm căn bản cho thấy xác suất xảy ra mô hình đang cao dần thể hiện trên các phương diện sau:

- HNX-Index thậm chí không vượt được tới gần kháng cự 72 điểm, sự thoái lui sớm của chỉ số khiến nó dịch chuyển trong khung hình tam giác, cho thấy mỗi đợt sóng tăng lên, mức giá bán lại hạ thấp xuống dần.
- VOLUME cạn kiệt, tăng giảm nhưng theo dạng bậc thang giảm dần. VOL ở mức độ hiện tại thường thể hiện diễn biến của một mô hình giá
- Chỉ số đang dao động trong khoảng điểm không thuộc mức hỗ trợ hoặc kháng cự tâm lý nào.

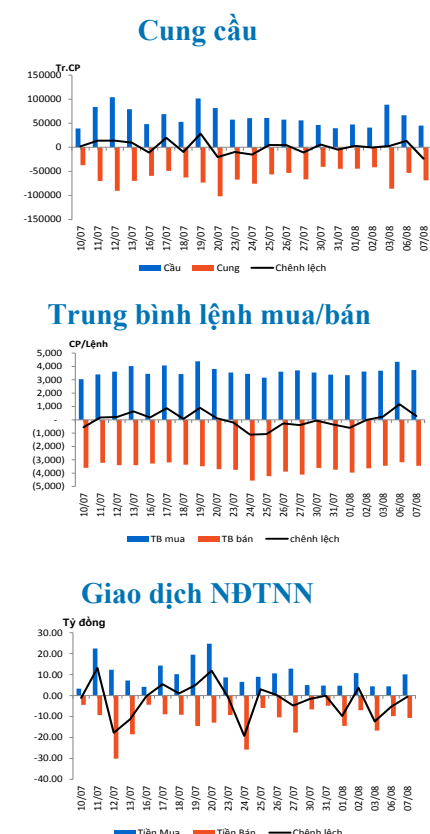
Nếu tiếp tục dao động giảm dần và cắt khỏi 68,7 điểm, HNX-Index sẽ hoàn thiện mô hình. Mặc dù vậy, nhịp giảm tiếp theo có thể sẽ không quá mạnh khi hỗ trợ của chỉ số ở mức 65 điểm và chiều cao của mô hình không quá lớn.

HSX:**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau phiên tăng điểm mạnh trước đó, thị trường ở những phút đầu phiên 07/08 giao dịch tiếp tục diễn biến thận trọng khi phần lớn nhóm cổ phiếu trong rổ VN30 đều linh xình quanh mốc tham chiếu. Một vài mã trụ cột tăng giá giúp VN-Index đứng vững ở mức giá xanh. Đợt khớp lệnh thứ nhất, VN-Index tăng nhẹ 0.56 điểm (0.13%) đạt 423.72 điểm. Giao dịch khiêm tốn với hơn 1.26 triệu đơn vị, tương đương 19 tỷ đồng.

Kết phiên sáng, VN-Index duy trì được sắc xanh trong nửa cuối phiên giao dịch buổi sáng nhờ một vài mã chủ chốt, nhưng nhìn chung người mua và người bán khá thận trọng. Lượng giao dịch giảm đột ngột đã thể hiện điều đó. Với các trụ đỡ như VNM, VIC, HAG, VCB, CTG... giúp VN-Index nhích 1.19 điểm vào cuối buổi, tương ứng 0.28% tạm dừng ở 424.35 điểm. Lượng giao dịch chỉ đạt hơn 23.45 triệu đơn vị, tương ứng giá trị giao dịch 401 tỷ đồng bao gồm cả giao dịch thỏa thuận. Thị trường chỉ có 61 mã tăng giá, 108 mã giảm và 86 mã đứng yên.

Cầu yếu và bên bán tương đối mạnh đồng thời chấp nhận hạ giá ở một số mã cổ phiếu lớn dẫn đến việc 136 mã giảm giá tính đến hết phiên. VN-Index đánh mất 0.66 điểm, ứng với 0.16% xuống 422.5 điểm. Giao dịch tăng không đáng kể so với buổi sáng. Toàn phiên có 33 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 548 tỷ đồng. Tuy nhiên, giao dịch thỏa thuận đã chiếm 3.74 triệu đơn vị, trị giá 113 tỷ đồng.

HNX:**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

15 phút đầu phiên, HNX-Index giảm nhẹ, và linh xình dưới mốc tham chiếu khi các mã chủ chốt của sàn này không còn bứt phá mạnh như phiên trước mà chủ yếu đi ngang, ngoại trừ KLS tăng nhẹ.

Thống kê hết buổi sáng, HNX-Index tiếp tục giảm 0.66 điểm, tương đương 0.94% xuống 69.79 điểm. Khối lượng giao dịch đạt xấp xỉ 20 triệu đơn vị, ứng với 194 tỷ đồng, giảm mạnh so với phiên trước. Số lượng cổ phiếu có khối lượng giao dịch đạt trên 1 triệu đơn vị, ngoài KTB còn có VND, KLS, VNE, PVX. Tuy nhiên chỉ VNE tiếp tục duy trì được sắc xanh so với phiên giao dịch trước đó. Nguồn cung ở quanh tham chiếu ở hai cổ phiếu VND và KLS hiện vẫn còn là khá lớn dù khối lượng giao đã đạt trên 2 triệu cổ phiếu mỗi mã.

Cuối phiên, chỉ số HNX-Index giảm 0.87 điểm, tức 1.23% xuống 69.58 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản giảm nhưng vẫn đạt khá với 34.86 triệu đơn vị, trị giá 540 tỷ đồng. Những cổ phiếu được xem là trụ tại sàn này như VND, KLS, SCR, PVX đều giảm, đặc biệt VND mất 3.46%, nhưng lượng mua vào vẫn đạt gần 4.4 triệu đơn vị, dẫn đầu trên cả hai sàn. Tiếp theo là KLS với 3.35 triệu đơn vị.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 8 cổ phiếu đứng giá và 20 mã giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PFL (giảm 4,74%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,56% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,124 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 07/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,400.0	-	0.00	0.47	14.59	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	3,200.0	9,100	-3.03	0.31	29.09	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,400.0	255,300	-4.35	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,700.0	253,300	-1.43	1.70	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,000.0	39,500	-2.17	0.83	5.70	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	45,400	-1.92	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,700.0	68,885	-2.00	0.88	2.20	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,900.0	14,000	0.00	1.91	4.98	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,800.0	243,900	-1.82	0.69	7.77	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,600.0	20,770	0.00	0.71	8.38	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,400.0	-	0.00	0.52	2.54	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,500.0	546,700	-0.64	1.31	4.14	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,500.0	1,921,861	-2.30	0.37	3.20	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,400.0	39,770	0.00	3.18	12.63	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,200.0	517,630	-0.80	2.22	6.01	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,200.0	14,680	-0.76	1.20	3.19	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,000.0	27,840	-2.78	0.60	5.11	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,100.0	18,760	-0.82	0.69	2.98	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	36,200.0	106,090	-4.74	1.77	5.11	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	148,780	-4.44	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,600.0	100,900	-0.59	1.13	6.60	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,100.0	737,420	-1.63	1.06	15.32	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,100.0	874,190	0.00	0.52	46.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,100.0	81,140	0.00	0.58	4.07	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,700.0	16,260	-2.08	0.43	2.45	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,600.0	18,280	-1.85	0.80	3.18	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,400.0	3,600	-3.57	0.49	3.55	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	37,500	37,200	-0.80	19,318,725
SSI	21,000	20,800	-0.95	20,419,902
VNM	102,000	103,000	0.98	59,212,940
KTB	8,600	8,900	3.49	18,478,612
CSM	27,300	27,000	-1.10	17,214,186

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	63,000	63,000	0.00	240,006
VND	11,500	11,100	-3.48	51,424
KLS	10,300	10,100	-1.94	36,244
SCR	10,400	10,100	-2.88	23,048
SVN	41,800	41,800	0.00	19,695

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,500	1,600	100	6.67
HHS	37,100	38,900	1,800	4.85
NNC	33,500	35,100	1,600	4.78
SBS	4,200	4,400	200	4.76
DHM	21,800	22,800	1,000	4.59

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SDG	24,400	26,100	1,700	6.97
CMC	4,400	4,700	300	6.82
CAN	29,500	31,500	2,000	6.78
VDL	37,000	39,500	2,500	6.76
CX8	4,500	4,800	300	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
BCI	20,500	19,500	-1,000	-4.88
DTT	8,200	7,800	-400	-4.88
STG	26,700	25,400	-1,300	-4.87
PDN	25,000	23,800	-1,200	-4.80
PGD	38,000	36,200	-1,800	-4.74

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MCC	14,300	13,300	-1,000	-6.99
VBH	15,900	14,800	-1,100	-6.92
KSD	3,000	2,800	-200	-6.67
TTC	4,500	4,200	-300	-6.67
YBC	13,500	12,600	-900	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	40,686	VNM	40,660
VIC	10,968	DHA	3,708
MSN	5,977	REE	3,547
DPM	5,782	LCG	2,652
DHA	3,718	DPM	2,593

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	2,827	PVS	2,782
VND	1,814	VND	2,555
LAS	1,292	AAA	1,028
KLS	1,060	PLC	993
DBC	975	VNR	871

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339